

Số: 1516/TB-XLTK

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc Kết quả lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản của Quốc hội ban hành ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1161/QĐ-XLTK ngày 30/07/2024 của Tổng giám đốc về việc thành lập Hội đồng thanh lý máy móc thiết bị Tổng công ty (Hội đồng thanh lý tài sản);

Căn cứ Thông báo số 1478/TB-XLTK ngày 07/10/2024 của Tổng công ty về việc Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Biên bản họp số 06/BB-HĐTLTS ngày 10/10/2024 về việc Chấm điểm các Tổ chức đấu giá tài sản của Hội đồng thanh lý tài sản PETROCONs.

Tổng công ty PETROCONs thông báo về việc Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản với nội dung cụ thể như sau:

I. Kết quả lựa chọn

1. Tên, địa chỉ Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn:

- Tên đơn vị: Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn (LSA).

- Địa chỉ: số 111A Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Tổng số điểm của Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 99 điểm.

3. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối: Không.

II. Kết quả chấm điểm

Các Tổ chức đấu giá tài sản có hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn:

1. Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn (LSA)

2. Công ty đấu giá hợp danh đấu giá Việt Nam (VNA.,PAC)

| TT | Nội dung | Mức tối đa | LSA | VNA.,PAC |
|-----|---|-------------|-------------|-------------|
| I | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 23.0 | 22.0 | 23.0 |
| 1 | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 11.0 | 11.0 | 11.0 |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...) | 6.0 | 6.0 | 6.0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện | 5.0 | 5.0 | 5.0 |
| 2 | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 8.0 | 8.0 | 8.0 |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá | 4.0 | 4.0 | 4.0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá | 4.0 | 4.0 | 4.0 |
| 3 | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động | 2.0 | 2.0 | 2.0 |

| TT | Nội dung | Mức tối đa | LSA | VNA, PAC |
|-----|---|------------|------|----------|
| 4 | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến | 1.0 | 0.0 | 1.0 |
| 5 | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá | 1.0 | 1.0 | 1.0 |
| II | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án) | 22.0 | 22.0 | 22.0 |
| 1 | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan | 4.0 | 4.0 | 4.0 |
| 2 | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4.0 | 4.0 | 4.0 |
| 3 | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá | 4.0 | 4.0 | 4.0 |
| 4 | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá | 4.0 | 4.0 | 4.0 |
| 5 | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| 6 | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| III | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản | 45.0 | 45.0 | 45.0 |
| 1 | Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5 | 6.0 | 6.0 | 6.0 |
| 1.1 | Dưới 03 hợp đồng | 2.0 | | |
| 1.2 | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng | 3.0 | | |
| 1.3 | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng | 4.0 | | |
| 1.4 | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng | 5.0 | | |
| 1.5 | Từ 30 hợp đồng trở lên | 6.0 | 6.0 | 6.0 |
| 2 | Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5 | 18.0 | 18.0 | 18.0 |
| 2.1 | Dưới 20% | 10.0 | | |
| 2.2 | Từ 20% đến dưới 40% | 12.0 | | |
| 2.3 | Từ 40% đến dưới 70% | 14.0 | | |
| 2.4 | Từ 70% đến dưới 100% | 16.0 | | |
| 2.5 | Từ 100% trở lên | 18.0 | 18.0 | 18.0 |
| 3 | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3 | 5.0 | 5.0 | 5.0 |
| 3.1 | Dưới 03 năm | 3.0 | | |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm | 4.0 | | |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên | 5.0 | 5.0 | 5.0 |
| 4 | Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3 | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| 4.1 | 01 đấu giá viên | 1.0 | | |

| TT | Nội dung | Mức tối đa | LSA | VNA, PAC |
|---------------------|---|--------------------|--------------|--------------|
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên | 2.0 | | |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| 5 | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3 | 4.0 | 4.0 | 4.0 |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 2.0 | | |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 3.0 | | |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 4.0 | 4.0 | 4.0 |
| 6 | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4 | 5.0 | 5.0 | 5.0 |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng | 2.0 | | |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 3.0 | | |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng | 4.0 | | |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên | 5.0 | 5.0 | 5.0 |
| 7 | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2 | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên | 2.0 | | |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| 8 | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn | 1.0 | 1.0 | 1.0 |
| IV | Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3 | 5.0 | 5.0 | 5.0 |
| 1 | Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính | 3.0 | | |
| 2 | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) | 4.0 | | |
| 3 | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) | 5.0 | 5.0 | 5.0 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | 5.0 | 5.0 | 2.0 |
| 1 | Có kinh nghiệm từ 15 năm trở lên trong lĩnh vực đấu giá | 2.0 | 2.0 | 2.0 |
| 2 | Có từ 03 Chi nhánh trở lên | 1.0 | 1.0 | 0 |
| 3 | Đã đấu giá thành công tài sản cho PETROCONS | 2.0 | 2.0 | 2.0 |
| Tổng số điểm | | 100 | 99 | 99 |
| VI | Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | | | |
| 1 | Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện | Đủ điều kiện | Đủ điều kiện |
| 2 | Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện | | |

- Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ tài chính về việc khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản.

- Căn cứ Thư chào thù lao dịch vụ đấu giá số 710/CV-LSSG ngày 07/10/2024 của Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn, theo đó mức thù lao là **25.500.000** VNĐ + 3% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm.

- Căn cứ Đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản số 7078/ĐK-ĐGVN ngày 09/10/2024 của Công ty đấu giá hợp danh đấu giá Việt Nam, theo đó mức thù lao là **25.960.000** VNĐ + 3% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm.

- Căn cứ Thông báo số 1478/TB-XLĐK ngày 07/10/2024 của Tổng công ty về việc Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, theo đó trường hợp có từ 2 đơn vị đấu giá trở lên bằng điểm nhau thì đơn vị được lựa chọn là đơn vị có mức thù lao và chi phí thấp nhất.

Tổng công ty PETROCONS thông báo tới các tổ chức đấu giá được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- TGD (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản, website PETROCONS (để đăng tải);
- HĐTLTS tại Quyết định số 1161/QĐ-XLĐK ngày 30/07/2024 (để t/h);
- Lưu: VT, KTAT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Phạm Trung Kiên